



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 12 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng**
Laboratory: **Department of Testing – Imaging Diagnosis - Functional exploration**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long**
Organization: **Vinh Long Center for Disease Control**

Số hiệu/ Code: **VILAS 853**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Sinh, Hóa**
Biological, Chemical

Người quản lý:
Laboratory manager: **Trần Văn Sen**
Tran Van Sen

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /12/2025 đến ngày 19/12/2029**

Địa chỉ:
Address: **Số 24, đường Hùng Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long**
No 24, Hung Vuong Street, Long Chau ward, Vinh Long province

Địa điểm:
Location: **Số 24, đường Hùng Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long**
No 24, Hung Vuong Street, Long Chau ward, Vinh Long province

Điện thoại/ Tel: **02703822431**

Email: **xetnghiemdpvl@gmail.com**

Website: **www.ksbt.vinhlong.gov.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 853****Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh***Field of testing: Biological*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thực phẩm <i>Food</i>	Định lượng vi sinh vật Kỹ thuật đổ đĩa đếm khuẩn lạc ở 30°C <i>Enumeration of microorganisms Colony count at 30°C by the pour plate technique</i>		TCVN 4884-1:2015
2.		Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Coliforms Colony count technique</i>		TCVN 6848:2007
3.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidaza Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of β-glucuronidase- positive Escherichia coli Colony count technique</i>		TCVN 7924-2:2008
4.		Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) Kỹ thuật cấy trang bề mặt <i>Enumeration of coagulase-positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species) Surface plating technique</i>		TCVN 4830-1:2005
5.		Định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of presumptive Bacillus cereus Colony count technique.</i>		TCVN 4992:2005
6.	Sữa chua, sản phẩm sữa (bánh plan) <i>Yoghurt and milk product (plan cake)</i>	Định lượng Enterobacteriaceae giả định Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of presumptive Enterobacteriaceae Colony count technique.</i>		TCVN 5518-2:2007

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 853**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
7.	Nước sạch, nước uống đóng chai, nước đá dùng liền <i>Domestic water, bottled water, edible ice</i>	Định lượng Coliform và <i>E. coli</i> Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of Coliforms and E. coli Membrane filtration method</i>		TCVN 6187-1:2019
8.		Định lượng <i>Pseudomonas aeruginosa</i> Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of Pseudomonas aeruginosa Membrane filtration method</i>		TCVN 8881:2011
9.		Định lượng Enterococci đường ruột (<i>Enterococcus faecalis</i>) Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of Intestinal Enterococci (Enterococcus faecalis) Membrane filtration method</i>		TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000(E))

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/*Vietnamese National Standards*
- ISO: *the International Organization for Standardization*
- SMEWW: *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*

Trường hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Center for Disease Control of Vinh Long Province that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 853****Lĩnh vực thử nghiệm: Hoá***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Nước mắm <i>Fish sauce</i>	Xác định hàm lượng Nitơ toàn phần Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Total Nitrogen content Titrimetric method</i>	0,42 g/L	TCVN 3705:1990
2.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định Độ cứng tổng (tính theo CaCO_3) Phương pháp chuẩn độ EDTA <i>Determination of Total hardness (as CaCO_3) EDTA titrimetric method</i>	10,3 mg/L	SMEWW 2340C: 2023
3.		Xác định hàm lượng Nitrite Phương pháp UV-Vis <i>Determination of nitrite content UV-Vis method</i>	0,02 mg/L	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2023
4.		Xác định hàm lượng Sắt tổng Phương pháp UV-Vis <i>Determination of total iron content UV-Vis method</i>	0,04 mg/L	SMEWW 3500-Fe- B: 2023
5.		Xác định hàm lượng Mangan Phương pháp UV-Vis <i>Determination of Manganese content UV-Vis method</i>	0,04 mg/L	SMEWW 3500- Mn-B: 2023
6.		Xác định Độ đục <i>Determination of Turbidity</i>	0,9 NTU	SMEWW 2130B: 2023
7.		Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp chuẩn độ Bạc Nitrat với chỉ thị cromat (phương pháp MO) <i>Determination of Chloride content Silver nitrate titration with chromate indicator (Mohr's method)</i>	5 mg/L	SMEWW 4500-Cl- B: 2023
8.		Xác định Màu sắc <i>Determination of Color</i>	5,0 mg/L Pt-Co	SMEWW 2120C: 2023
9.		Xác định pH <i>Determination of pH value</i>	2~12	TCVN 6492:2011

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 853

Chú thích/ *Note*:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia / *Vietnam National standard*
- ISO: *International Organization for Standardization*
- SMEWW: *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*

Trường hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Vinh Long Center for Disease Control that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*